

Bản án số: 1834/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh
2. Bà Nguyễn Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Duong Van Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Country Grove Circle Portage MI 49024, USA

Bị đơn: Bà Trần Thị Như N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Nơ Trang L, Phường 13, quận B, Thành phố M.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai ngày 06/02/2020 của nguyên đơn ông Duong Van Q trình bày:

Ông và bà Trần Thị Như N tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1445, quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 5/2014 ông và bà Trần Thị Như N đã sống ly

thân cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau, bà N ở lại Việt Nam sinh sống còn ông quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Như N để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Duong Van Q khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Duong Van Q khai không có.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Như N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà N.

Tại đơn khởi kiện và bản cam kết của nguyên đơn ông Duong Van Q xác nhận địa chỉ số 4.7 Lô A C/c 351/31 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác minh tại địa chỉ nói trên và kết quả xác minh cũng khẳng định bà Trần Thị Như N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 4.7 Lô A C/c 351/31 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà N thường xuyên không cư trú tại địa chỉ này, hiện đã đi đâu không rõ.

Căn cứ Điều 171, 173, 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ cho bà Trần Thị Như N các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày niêm yết bà N không có văn bản phản hồi về ý kiến của bà gửi cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu xin ly hôn của ông Duong Van Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 06/02/2020, nguyên đơn ông Duong Van Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Như N đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Trần Thị Như N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Dương Van Q được ly hôn với bà Trần Thị Như N. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Duong Van Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Như N. Nguyên đơn có địa chỉ tại 10974 Country Grove Circle Portage MI 49024, USA, bị đơn có địa chỉ tại Việt Nam. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Duong Van Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Như N đã được Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 1445, quyền số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2014 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Duong Van Q và bà Trần Thị Như N là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của ông Duong Van Q trình bày: Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng thì hai bên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp, từ tháng 5/2014 hai bên đã sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết yêu cầu ly hôn của ông Duong Van Q. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng không nhận được các ý kiến phản hồi của bà Trần Thị Như N. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Tuy nhiên, ông Duong Van Q và bà Trần Thị Như N mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không có điều kiện vun đắp, hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Ông Duong Van Q khai không có.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Duong Van Q khai không có.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án, ông Duong Van Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045683 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Duong Van Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 01 (Một) tháng kể từ ngày ông Duong Van Q nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Trần Thị Như N thời hạn kháng cáo bản án là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 173, Điều 179, khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Duong Van Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Duong Van Q được ly hôn với bà Trần Thị Như N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số số 1445, quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2014 cho ông Duong Van Q và bà Trần Thị Như N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí:

Nguyên đơn ông Duong Van Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045683 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Duong Van Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo là 01 (Một) tháng kể từ ngày ông Duong Van Q nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Trần Thị Như N thời

hạn kháng cáo bản án là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Thiên Hương